

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 86/2021/HNST

Ngày: 10/11/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên**

2. Ông **Trần Ngọc Bích**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Tấn P**, sinh năm 1995; (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 09, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 83/15 H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P cho rằng: Ông và bà Trần Thị Minh T đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2017, tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, chung sống không hạnh phúc đã ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay ông P cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, bà T cũng nói với ông là bà không muốn sống chung với ông, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không được, nay ông yêu cầu xin được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Minh T trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ bằng phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần trực tiếp cho người thân thích ký nhận thay và cam kết giao lại cho bà T, nhưng bà T vẫn vắng mặt, nên không thu thập được lời khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, lý do đang đi làm ở tỉnh Bình Dương trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 không về được. Đối với bị đơn vắng mặt lần thứ hai, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng theo Điều 48, 51 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã xác định đúng về thẩm quyền theo loại việc, theo cấp xét xử và lãnh thổ; về quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng; xác định đúng tư cách đương sự; việc thu thập chứng cứ; gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định.

Đối với Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục điều khiển tại phiên tòa;

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Minh T nên tranh chấp giữa các đương sự là loại “Tranh chấp ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn bà Trần Thị Minh T căn cứ địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện và kèm theo phiếu xác minh của Công an phường A, quận N, thì xác định bà hiện vẫn còn cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bằng phương thức tổng đạt trong quá trình mời hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt. Đối với nguyên đơn thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Xét về yêu cầu xin ly hôn: Ông Huỳnh Tấn P và bà Trần Thị Minh T bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật công nhận ông, bà là vợ chồng. Quá trình chung sống theo ông P cho rằng do vợ chồng không hợp tính tình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, chỉ chung sống thời gian ngắn, cuối năm 2017 thì ly thân, dẫn đến xin ly hôn.

Xét thấy, với những mâu thuẫn của ông P và bà T dẫn đến yêu cầu xin ly hôn như ông trình bày. Thời gian ly thân từ năm 2017 cho đến nay ông, bà mỗi người ở riêng, cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến phiên tòa hôm nay, nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ bà không còn quan tâm gì đến quan hệ hôn nhân này. Nên xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này, thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận cho ông Huỳnh Tấn P với bà Trần Thị Minh T được ly hôn với nhau.

[4]Về con chung: Ông, bà cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết

[5]Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[6]. Xét lời nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7]Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 4; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Tấn P được ly hôn với bà Trần Thị Minh T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và Gia đình : Ông Huỳnh Tấn P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003739, ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng có trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND Phường nơi ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký)

BÙI XUÂN ÁNH